

Thì quá khứ đơn

Cách phát âm đuôi ed

1. Đuôi /ed/ được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /s/, /f/, /p/, /t/, /dʒ/, /k/.
2. Đuôi /ed/ được phát âm là /id/: Khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.
3. Đuôi /ed/ được phát âm là /d/ với những trường hợp còn lại

- **Câu khẳng định**

Chủ ngữ + động từ có quy tắc +ed +.....

Teacher **talked** (*talk*) about Past Simple 5 seconds ago.

- **Câu phủ định**

Chủ ngữ + **didn't** + **động từ không chia, nguyên thể**

Teacher **didn't talk** (*not talk*) about Present Simple 5 seconds ago.

	Chia động từ quá khứ trong câu	Dấu hiệu nhận biết	Cách phát âm của ed cuối động từ quá khứ
1	I _STAYED_ (<i>stay</i>) at home last weekend.	LAST WEEKEND	/d/
2	Last June I _____ (<i>visit</i>) Ngoc Son Temple in Ha Noi.		/t/ /d/ /id/
3	They _____ (<i>talk</i>) about their holiday in Hoi An 5 years ago.		/t/ /d/ /id/
4	I _____ (<i>walk</i>) down the street when it began to rain.		/t/ /d/ /id/
5	At this time last year, I _____ (<i>attend</i>) an English course.		/t/ /d/ /id/

6	When we met them last month, they _____(live) in Santiago.	/t/ /d/ /id/
7	The tourist lost his camera while he _____(walk) around the city yesterday.	/t/ /d/ /id/
8	Mary and I _____(dance) the house when the telephone rang.	/t/ /d/ /id/
9	I _____(save) some money last year.	/t/ /d/ /id/
10	The cat _____(jump) on the tree, and the bird flew away.	/t/ /d/ /id/
11	We _____(cook) together in 2010.	/t/ /d/ /id/
12	She _____(arrive) in 1978.	/t/ /d/ /id/
13	Peter _____(change) his name the day before.	/t/ /d/ /id/
14	Julie _____(move) from Canada in the past.	/t/ /d/ /id/
15	The film wasn't very good. I DIDN'T ENJOY(not enjoy) it very much.	
16	He(not go) to the swimming pool because he(not like) swimming.	
17	They(not have)dinner at nine o'clock.	
18	Helen(not eat) too many sweets.	
19	I(not buy) the newspaper in the shop.	
20	We(not get) up at eight o'clock.	
21	She(not see) the newspaper in the shop over there.	
22	You _____(not give) me all the books yesterday.	